

## Thành phần loài cây thuốc chữa bệnh đường hô hấp theo kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc Thái ở Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La, tỉnh Sơn La

### The composition of medicinal plants to treat respiratory diseases by Thai ethnic minority at Nature reserver in Muong La dictrist, Son La Province

Vũ Thị Liên<sup>1\*</sup>, Li Phô Xa Na Xay<sup>1</sup>, Quàng Văn Tuấn<sup>1</sup>, Lò Văn Sung<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Tây Bắc, Sơn La, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ, Email: luocvang2018@utb.edu.vn

#### THÔNG TIN

DOI:10.46223/HCMCOUJS.tech.vi.18.2.2375.2023

Ngày nhận: 14/07/2022

Ngày nhận lại: 12/06/2023

Duyệt đăng: 13/06/2023

#### Từ khóa:

bệnh đường hô hấp; cây thuốc; dân tộc Thái; khu bảo tồn thiên nhiên; Mường La Sơn La

#### Keywords:

respiratory diseases; medicinal plants; Thai ethnic minority; nature reserve; Muong La Son La

#### TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thành phần loài và giá trị sử dụng cây thuốc chữa bệnh đường hô hấp theo kinh nghiệm của dân tộc Thái tại Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La, tỉnh Sơn La. Kết quả cho thấy có 105 loài cây thuốc thuộc 92 chi và 47 họ của 02 ngành thực vật bậc cao có mạch là Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) và Ngọc Lan (Magnoliophyta). Trong đó, 15 cây thuốc được người Thái sử dụng nhiều nhất có tia UV  $\geq 0.58$ ; 04 loài (3.81%) cần ưu tiên bảo tồn theo Sách Đỏ Việt Nam 2007; Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam của Nguyen (2019) và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP. Dạng sống của cây thuốc chữa bệnh đường hô hấp được xây dựng như sau SB = 58.1Ph + 14.29Hm + 9.52Th + 9.52Cr + 8.57. Ghi nhận 10 bộ phận sử dụng và 07 nhóm bệnh điều trị bằng cây thuốc chữa bệnh đường hô hấp của người Thái.

#### SUMMARY

This research was conducted to evaluate the composition and use-value of medicinal plants for the treatment of respiratory diseases Thai ethnic minority's experience at Muong La nature reserve, in Son La province. As a result of the research, there were 105 species of medicinal plants belonging to 92 genera and 47 families of 02 vascular plant divisions (Polypodiophyta and Magnoliophyta). Of those, 15 medicinal plants used most by Thai people highest UV  $\geq 0.58$ ; 04 species (3.81%) at risk of being threatened are listed in the Red Data Book of Vietnam 2007, Vietnam's Red List of Medicinal Plants compiled by Nguyen (2019) and the Decision No 84/2021/ND-CP. The life form of medicinal plants for the treatment of respiratory diseases is constructed as follows SB = 58.1Ph + 14.29Hm + 9.52Th + 9.52Cr + 8.57. Recorded 10 parts used and 07 groups of diseases treated with medicinal plants for the respiratory tract of Thai people.

#### 1. Đặt vấn đề

Khu Bảo tồn Thiên nhiên (KBTTN) Mường La nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có tính đa dạng sinh học cao lưu giữ được nguồn gen nhiều loài động thực vật quý hiếm cùng những giá trị về bản sắc văn hoá dân tộc và tri thức y dược học giàu tính nhân văn của 04 dân tộc anh em cùng chung sống (Thái, Mông, La Ha, Kháng) (Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên

Mường La, tỉnh Sơn La, 2020). Do địa hình phức tạp, đường giao thông đi lại rất khó khăn, điều kiện kinh tế kém phát triển nên cuộc sống của người dân còn gặp nhiều thiếu thốn như không đủ tiền đến các cơ sở y tế. Từ thời xa xưa cộng đồng người Thái KBTTN Mường La sống dựa vào rừng. Họ không ngừng tìm tòi tích lũy riêng cho mình một kho tàng quý báu về cách thức sử dụng thực vật hoang dại làm thuốc nói chung và để phòng, chữa bệnh đường hô hấp nói riêng được lưu truyền qua nhiều thế hệ giúp cho đồng bào Thái tự chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng mình trong hoàn cảnh không hoặc ít được tiếp cận với y học hiện đại giúp họ tồn tại và thích nghi với các điều kiện bất lợi của tự nhiên. Những kiến thức trong sử dụng cây thuốc để điều trị bệnh của họ ít được phổ biến, chỉ truyền lại bằng miệng cho một số người trong gia đình khi qua đời. Nếu được ghi chép, kiểm chứng và bảo tồn những kiến thức trong kinh nghiệm dân gian này thì nó sẽ trở thành nguồn tư liệu quý báu cho nhân loại.

Trên thế giới, việc nghiên cứu, bảo vệ nguồn tài nguyên thực vật để phòng và chữa bệnh của các cộng đồng dân tộc thiểu số nhằm khai thác, phát triển các thuốc mới từ thảo dược được nhiều quốc gia quan tâm và đề cập trong nhiều công bố khác nhau. Tại Thổ Nhĩ Kỳ nghiên cứu về cây cỏ chữa bệnh của các dân tộc Kurd và Zaza ở Solhan (Polat, Cakilcioglu, & Satil, 2013) hay khảo sát cây thuốc ở quận Bozyazi của dân tộc Kurd, Ả Rập và Syriac Thổ Nhĩ Kỳ (Sargin, 2015). Tương tự, nghiên cứu sự đa dạng cây thuốc được sử dụng bởi người Buyi ở phía đông Vân Nam, Trung Quốc (Xiong, Sui, Ahmed, & Wang, 2020), ... Ở Việt Nam có nghiên cứu về cây thuốc chữa bệnh đường tiêu hóa tại xã Chiềng Bôm ở rừng đặc dụng Cópia huyện Thuận Châu, Sơn La (Vu, 2015), hay nghiên cứu truyền thống cây thuốc, bài thuốc của người Thái ở vùng đệm vườn quốc gia Bến En, Thanh Hóa (Doan & Tran, 2017) và kiến thức bản địa của dân tộc Khơ Mú sinh sống tại khu rừng đặc dụng Sốp Cộp trong việc sử dụng cây cỏ chữa bệnh (Vu, Song, & Leo, 2021), ... Ngày nay, cây thuốc được người Thái thu hái không chỉ để chữa trị tại hộ gia đình, mà còn cung cấp cho người dân ở địa phương và các tỉnh lân cận. Mặc dù vậy, cho đến nay chưa có một nghiên cứu nào cụ thể về cây dược liệu và bài thuốc chữa bệnh của đồng bào Thái sinh sống tại KBTTN Mường La. Do đó, việc khảo sát về kiến thức y học bản địa sử dụng cây cỏ làm thuốc chữa trị bệnh đường hô hấp mà người Thái sử dụng là một việc làm có ý nghĩa quan trọng góp phần bảo tồn kiến thức thực vật học dân tộc, thúc đẩy bảo vệ đa dạng sinh học, phục vụ cho các định hướng nghiên cứu về khai thác gây trồng hợp lý và còn tạo cơ sở dữ liệu cho công tác quản lý, duy trì và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thực vật của vùng này ở hiện tại và trong tương lai.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Đối tượng, thời gian, địa điểm nghiên cứu**

Thực vật bậc cao có mạch và kinh nghiệm sử dụng thực vật làm thuốc chữa bệnh đường hô hấp của dân tộc Thái mọc hoang dại và được trồng, từ tháng 07 năm 2020 đến tháng 03 năm 2022 tại 07 Bản gồm: Đông Khít, Ít, Bâu, Piêng, Kê, Đông Xông, Lướt thuộc KBTTN Mường La.

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

- **Kế thừa tài liệu:** Tập hợp, phân tích thông tin từ các công trình nghiên cứu khoa học, sách, tạp chí, ... có chọn lọc.

#### **- Thu mẫu, xử lý mẫu**

Tiến hành theo phương pháp thông dụng của Nguyen (2008). Cụ thể: Xác định tuyến và điểm điều tra khu vực nghiên cứu dựa vào kết quả khảo sát sơ bộ, bản đồ địa hình và hiện trạng sử

dụng đất. Có 07 tuyến điều tra (tổng chiều dài là 50.5km), mở rộng phạm vi trên mỗi tuyến về 02 bên khoảng 20m, đi qua các sinh cảnh khác nhau, chụp ảnh mẫu, dùng máy định vị vệ tinh để xác định tọa độ địa lý, độ cao phân bố các loài cây dược thảo, ... có sự tham gia của đồng bào Thái tại KBTTN Mường La. Ngoài ra còn điều tra bổ sung tại vườn nhà cộng đồng Thái.

- **Định loại:** Định danh tên cây thảo dược theo phương pháp hình thái so sánh và khóa phân loại sau: Danh lục các loài Thực vật Việt Nam của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội và Nguyen (2003, 2005); Cây cỏ Việt Nam (Pham, 2000, 2002, 2003); Từ điển cây thuốc Việt Nam (Vo, 2012); Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Do, 2005). Phân tích dạng sống dựa vào thang phân chia của Raunkiaer (1934) có bổ sung của Nguyen (2004). Tiêu bản thực vật được lưu giữ tại phòng Bảo tàng, Trường Đại học Tây Bắc. Sắp xếp các bậc taxon theo hệ thống Brummitt (1992).

- **Điều tra, phỏng vấn:** Áp dụng phương pháp của Martin (2002) với tổng số 210 người cung cấp thông tin trong độ tuổi từ 25 đến 88 tuổi (n = 210). Đối tượng chủ yếu là các ông lang, bà mẹ bốc thuốc nam, người đi hái, hộ trồng và kinh doanh cây dược liệu tại điểm nghiên cứu. Giá trị sử dụng tổng hợp từ kết quả đánh giá dựa trên kinh nghiệm thực tế của dân tộc Thái và sách chuyên khảo của Vo (2012), Do (2005). Chỉ số thực vật (UV) tính theo công thức do Phillips và Gentry (1993), De Albuquerque, Monteiro, Ramos, và De Amorim (2007) và Hoang, Baas, và Keßler (2008):  $UV = \sum U_i / N$  Trong đó  $U_i$  là số lần sử dụng khác nhau được đề cập bởi mỗi người cung cấp thông tin  $i$  và  $N$  là tổng số người cung cấp thông tin được phỏng vấn.

- **Đánh giá mức độ nguy cấp cây thuốc:** Theo phân hạng Sách Đỏ Việt Nam phần II - Thực vật (Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007), Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam của Nguyen (2019) và Nghị định 84/2021/NĐ-CP (Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2021). Xử lý và tính toán các số liệu bằng phần mềm Excel.

### 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 3.1. Sự phân bố các bậc taxon của nguồn tài nguyên cây thuốc

##### 3.1.1. Về bậc ngành

Kết quả khảo sát thu được 105 loài, 92 chi, 47 họ thuộc 02 ngành thực vật bậc cao có mạch được cộng đồng Thái dùng để chữa trị bệnh đường hô hấp tại Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Mường La. Trong đó, phần lớn các taxon tập trung trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 44 họ (chiếm 93.62%), 89 chi (chiếm 96.74%) và 102 loài (chiếm 97.14%), so với tổng số họ, chi, loài cây dược liệu được điều tra. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) chiếm tỷ lệ họ, chi, loài thấp hơn với 03 họ (6.38%), 03 chi (3.26%) và 03 loài (2.86%). Từ dữ liệu, chỉ ra các taxon chủ yếu tập trung ở ngành Ngọc Lan với số họ, chi và loài chiếm trên 90%, điều này hoàn toàn hợp lý với sự tiến hóa của thực vật bởi vì ngành Ngọc lan là ngành chiếm ưu thế cao với các ngành thực vật có mạch khác. Cấu trúc hệ thống (Systematic structure) trong nghiên cứu này cho thấy: bậc họ đạt 1.14 (trung bình mỗi họ có 01 loài); chi là 2.23 (trung bình mỗi chi có 02 loài); số chi trung bình của mỗi họ là 1.96 (trung bình mỗi họ có 02 chi). Sự phân bố không đều nhau của các taxon không chỉ được thể hiện giữa các ngành mà còn được thể hiện giữa hai taxon lớp trong ngành Ngọc lan. Tỷ trọng lớp Hai lá mầm (Magnoliopsida) với số lượng các taxon chiếm ưu thế tương ứng là với 77.27%, 80.90% và 82.35% số họ, chi và loài của ngành, điều đó cho thấy sự phong phú của lớp Hai lá mầm (Magnoliopsida), lớp Một lá mầm (Liliopsida) với 10 họ (22.73%); 17 chi (19.10%) và 18 loài (17.65%). Kết quả này phù hợp với công trình của Doan và Tran (2017), Vu (2015), Vu, Song, và Leo (2021).

**Bảng 1**

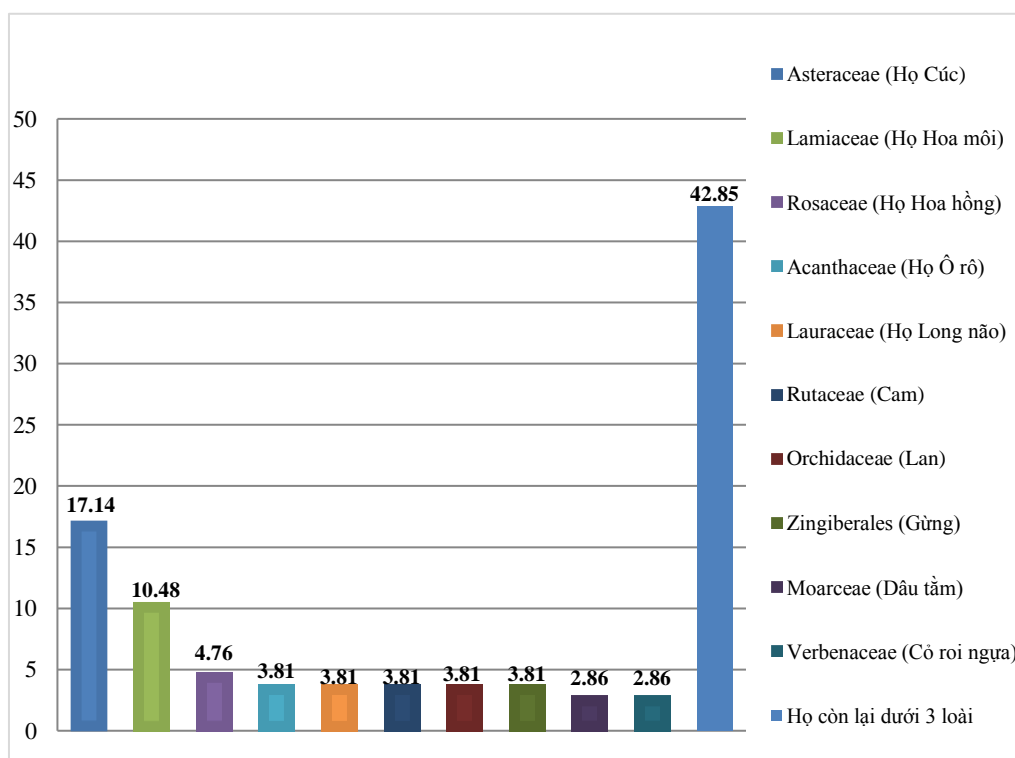
Số lượng ta xon các ngành thực vật bậc cao có mạch làm thuốc

STT	Ngành thực vật	Họ		Chi		Loài	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Polypodiophyta (Ngành Dương xỉ)	03	6.38	03	3.26	03	2.86
2	Magnoliophyta (Ngành Ngọc lan)	44	93.62	89	96.74	102	97.14
	Magnoliopsida (Lớp Hai lá mầm) - Ma	34	77.27	72	80.90	84	82.35
	Liliopsida (Lớp Một lá mầm) - Li	10	22.73	17	19.10	18	17.65
	Ma/Li	3.40		4.24		4.67	
<b>Tổng</b>		47	100	92	100	105	100

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế năm 2021, 2022 tại KBTTN Mường La

*3.1.2. Sự phân bố bậc dưới ngành*

*Bậc họ:* Họ giàu loài là chỉ số so sánh tin cậy, không phụ thuộc vào diện tích nghiên cứu. Số liệu ở Hình 1 xác định được mười họ giàu cây dược liệu, với tổng số là 60 loài (57.1%). Trong đó, họ có số lượng loài nhiều nhất là họ Cúc (Asteraceae) với 18 loài, chiếm 17.14% tổng số loài. Tiếp đến là Hoa môi (Lamiaceae), với 11 loài (10.48%), kế theo Hoa hồng (Rosaceae) với 05 loài (4.76%). Ô rô (Acanthaceae), Long não (Lauraceae), Lan (Orchidaceae), Cam (Rutaceae) và Gừng (Zingiberales) mỗi họ cùng có 04 loài (3.81%). Hai họ Dầu tằm (Moarceae) và Cỏ roi ngựa (Verbenaceae) có 03 loài (2.86%). Họ còn lại có ít hơn 03 loài, chiếm 42.85% .



**Hình 1.** Mức độ loài trong 10 họ thực vật được sử dụng

Về chi: Phân tích dữ liệu cho thấy 10 chi giàu loài, mặc dù chi chiếm 10.87% tổng số chi nhưng có 21 loài (20.0%) so với tổng số loài. Trong đó, chi có số lượng loài nhiều là Húng quế (*Ocimum*) với 03 loài, chiếm 2.86%, sau đó là chi: Riềng (*Alpinia*), Kinh giới (*Elsholtzia*), Đại bi (*Blumea*), Cam chanh (*Citrus*), Quế (*Cinnamomum*), Hồ tiêu (*Piper*), Sung (*Ficus*), Rau răm (*Polygonum*) và Mận mơ (*Prunus*) cùng có 02 loài (1.90%). Chi còn lại dưới 02 loài (80.04%).

### 3.2. Dạng sống của cây thuốc chữa bệnh đường hô hấp

Khi phân tích phổ dạng sống của thực vật có tiềm năng chữa bệnh đường hô hấp áp dụng hệ thống phân loại của Raunkiaer (1934) và Nguyen (2004) cho điểm nghiên cứu (Bảng 2) với 12 kiểu dạng sống thuộc 05 nhóm là cây chồi trên (Ph) chiếm ưu thế hơn hẳn các nhóm còn lại với 61 loài, chiếm 58.1% tổng số loài cây làm thuốc. Kết quả này phù hợp với nhận xét của Raunkiaer (1934) là ở rừng mưa nhiệt đới nhóm cây chồi trên luôn chiếm ưu thế và cũng tương tự được đưa ra trong một số công trình của những nhà khoa học Việt Nam Nguyen (2004), Vu, Song, và Leo (2021). Tiếp đó, nhóm chồi nửa ẩn (Hm) với 15 loài (14.29%); cây chồi một năm (Th) và nhóm chồi ẩn (Cr) cùng có 10 loài (9.52%) và thấp nhất là nhóm chồi sát đất (Ch) với 09 loài (8.57%). Dạng sống của hệ thực vật làm thuốc chữa bệnh đường hô hấp xây dựng như sau : SB = 58.1Ph + 14.29Hm + 9.52Th + 9.52Cr + 8.57Ch.

#### Bảng 2

Số lượng và tỷ lệ các nhóm dạng sống cây thuốc chữa bệnh đường hô hấp

STT	Dạng sống	Ký hiệu	Số loài	Tỷ lệ (%)	SB
1	Nhóm cây chồi trên	Ph	61	58.1	58.1
1.1	Cây bụi	Na	17	27.87	
1.2	Cây thảo sống lâu năm	Hp	14	22.95	
1.3	Cây chồi trên nhỏ	Me	9	14.75	
1.4	Dây leo sống lâu năm	Lp	7	11.48	
1.5	Cây chồi trên nhỏ	Mi	7	11.48	
1.6	Cây bì sinh sống lâu năm	Ep	3	4.92	
1.7	Cây chồi trên to	Mg	2	3.28	
1.8	Cây kí sinh, bán kí sinh sống lâu năm	Pp	2	3.28	
2	Nhóm cây chồi nửa ẩn	Hm	15	14.29	14.29
3	Nhóm cây chồi một năm	Th	10	9.52	9.52
4	Nhóm cây chồi ẩn	Cr	10	9.52	9.52
5	Nhóm cây chồi sát đất	Ch	9	8.57	8.57
	Tổng		105	100	100

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế năm 2021, 2022 tại KBTTN Mường La

Trong nhóm cây chồi trên (Ph), nhóm cây bụi (Na) có số loài nhiều hơn với 17 loài (chiếm 27.87%), tiếp theo cây thảo sống lâu năm (Hp) với 14 loài (22.95%), chồi trên nhỏ (Me) với 09 loài (14.75%); dây leo sống lâu năm (Lp) và nhóm chồi trên nhỏ (Mi) với 07 loài (11.48%), cây bì sinh sống lâu năm (Ep) có 03 loài (4.92%) và thấp nhất là chồi trên to (Mg) và nhóm kí sinh, bán kí sinh sống lâu năm cùng có 02 loài (3.28%). Dạng sống của nhóm thực vật chồi trên (Ph) = 27.87Na + 22.95Hp + 14.75 Me + 11.48 Lp + 11.48 Mi + Ep 4.92 + 3.28 Mg + 3.28Pp.

### 3.3. Đa dạng về giá trị sử dụng của cây thuốc chữa bệnh đường hô hấp

#### 3.3.1. Phân chia bộ phận sử dụng của cây làm thuốc

Bộ phận sử dụng không chỉ cho biết tính phong phú và đa dạng trong khả năng chữa bệnh của cây thuốc mà còn giúp chúng ta khai thác tài nguyên cây thuốc bền vững, hợp lý và hiệu quả.

### Bảng 3

Các bộ phận cây làm thuốc chữa bệnh đường hô hấp

TT	Bộ phận sử dụng	Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
1	Lá	63	60.00
2	Thân	32	30.48
3	Rễ	20	19.05
4	Cả cây	12	11.43
5	Hoa	8	7.62
6	Quả	6	5.71
7	Hạt	4	3.81
8	Vỏ thân	2	1.90
9	Nhựa	1	0.95
10	Vỏ rễ	1	0.95

Ghi chú: Một loài có thể sử dụng trong một số nhóm công dụng khác nhau

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế năm 2021, 2022 tại KBTTN Mường La

Qua khảo sát, thu mẫu, phân tích (Bảng 3) khẳng định rằng lá được sử dụng nhiều nhất với 63 loài (chiếm 60.0%), bộ phận này dễ thu hái và dùng theo nhiều cách khác nhau như: giã nát đắp, nấu nước uống, tắm, ... Đây là bộ phận khi thu hái ít ảnh hưởng tới sinh trưởng, tái sinh và giảm mức độ đe dọa các loài so với các bộ phận khác của cây. Nghiên cứu tương tự cũng được chỉ ra trong công bố của Vu (2015), Vu, Song, và Leo (2021) và công trình của những tác giả: Asase, Oteng-Yeboah, Odamtten, và Simmonds (2005); Barkaoui, Katiri, Boubaker, và Msanda (2017) và Xiong và cộng sự (2020), ... khi tìm hiểu về cây thuốc trên thế giới cũng cho thấy, dùng lá phổ biến hơn các phần khác của cây, sau đó là thân với 32 loài, chiếm 30.48%, kế đến rễ với 20 loài, chiếm 19.05%, toàn cây 12 loài (11.43%), hoa 08 loài (7.62%), quả 06 loài (5.71%) và hạt với 04 loài (3.81%). Nhóm còn lại là vỏ thân với 02 loài (1.90%), nhựa 01 loài và vỏ rễ 01 loài cho chữa bệnh rất hiệu quả mặc dù mức độ sử dụng ít. Sự phân bố không đồng đều trong các bộ phận làm thuốc là do đặc tính về thời vụ, tập quán đặc thù của điều kiện tự nhiên là vùng núi cao, tiếp cận với cơ sở y tế khó khăn và tích lũy kinh nghiệm chữa bệnh đường hô hấp của cộng đồng Thái.

### 3.3.2. Phân chia theo nhóm bệnh chữa trị bệnh đường hô hấp

Xét về công dụng làm thuốc, phân theo từng nhóm bệnh, đã tổng hợp 07 nhóm bệnh (Bảng 4) dùng cây thảo dược để điều trị. Số lượng loài có thể chữa trị các nhóm bệnh là khác nhau, trong đó, nhóm đường hô hấp về ho, hen, ho ra máu với 80 loài (76.19%) thuộc 42 họ và 71 chi. Nhóm viêm amidan, khan tiếng, viêm phế quản, viêm họng với 31 loài, chiếm 29.52%, phân bố ở 24 họ và 30 chi. Nhóm bệnh cúm, hắt hơi với 19 loài (18,10%) trong 07 họ và 16 chi. Bệnh viêm xoang với 06 loài (5.71%), thuộc 04 họ và 06 chi. Nhóm bệnh viêm phổi và ung thư phổi cùng có 04 loài (3.81%). Cuối cùng là bệnh về viêm mũi dị ứng chiếm 1.90% trong 02 họ và 02 chi. Theo tri thức y học cổ truyền, một loài thảo dược chữa được nhiều bệnh và ngược lại sự kết hợp nhiều cây thuốc để chữa một bệnh phụ thuộc vào phương thức chữa bệnh của từng ông lang, bà mẹ và tình trạng của người bệnh.

#### Bảng 4

Các nhóm bệnh chữa trị bằng cây thuốc

Nhóm công dụng của cây thuốc	Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
Ho, hen, ho ra máu	80	76.19
Viêm amidan, khan tiếng, viêm phế quản, viêm họng	31	29.52
Cúm, hắt hơi	19	18.10
Viêm xoang	6	5.71
Viêm phổi	4	3.81
Ung thư phổi	4	3.81
Viêm mũi dị ứng	2	1.90

Nguồn: Điều tra thực tế 2021, 2022 tại KBTTN Mường La

Giá trị sử dụng (UV): Là một chỉ số dân tộc học thể hiện tầm quan trọng tương đối của các loài thực vật được biết đến ở địa phương trong kiến thức truyền thống về cây thuốc của người dân bản địa dựa trên số lượng sử dụng được ghi nhận đối với từng loài. Phân tích chỉ số sử dụng thực vật (UV) dựa vào công thức do De Albuquerque và cộng sự (2007), Hoang và cộng sự (2008) và Phillips và Gentry (1993).

#### Bảng 5

Cây thuốc chữa bệnh đường hô hấp có chỉ số UV cao ( $UV \geq 0.58$ )

TT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Tên địa phương	Chỉ số UV
1	<i>Ageratum conyzoides</i> L	Cứt lợn	Co nhà miêu	0.72
2	<i>Angiopteris evecta</i> (G.Forst.) Hoffmin	Móng ngựa lá to	Hậu kíp tin mạ	0.75
3	<i>Averrhoa carambola</i> L	Khế	Co má phương	0.79
4	<i>Allium odorum</i> L	Hẹ	Hom xe lẹp	0.84

TT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Tên địa phương	Chỉ số UV
5	<i>Carica papaya</i> L	Đu đủ	Co má hồng	0.86
6	<i>Citrus aurantifolia</i> (Christm. et Panzer) Swingle	Chanh	Co má liu	0.85
7	<i>Glycosmis parviflora</i> (Sims) Little	Bưởi bung	Co dọng dạnh	0.64
8	<i>Gnaphalium affine</i> D. Don	Khúc tẻ	Co phắc kếp	0.66
9	<i>Murraya glabra</i> (Guillaum.) Guillaum.	Vương tùng	Co hom bơ chun	0.58
10	<i>Nephrolepis cordifolia</i> (L.) C.Presl	Cốt cần	Meng khớp	0.84
11	<i>Ocimum gratissimum</i> L.	Hương nhu trắng	Co hương nhu đón	0.82
12	<i>Plectranthus amboinicus</i> (Lour) Spreng	Húng chanh	Hom tô khào	0.78
13	<i>Perilla frutescens</i> (L.) Britton	Tía tô tím	Hom tô cấm	0.81
14	<i>Prunus armeniaca</i> L	Mơ	Co má phung	0.85
15	<i>Zingiber officinale</i> Roscoe	Gừng	Co khinh	0.83

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 2021, 2022 tại KBTTN Mường La

Dữ liệu nghiên cứu cho thấy phạm vi (UV) là từ 0.15 đến 0.86. Có 15 cây dược liệu tại khu vực nghiên cứu có  $UV \geq 0.58$ , trong đó cây làm thuốc có chỉ số UV cao nhất gồm: Đu đủ (*Carica papaya* -0.86), Chanh (*Citrus aurantifolia* -0.85) và Mơ (*Prunus armeniaca* -0.85), Hẹ (*Allium odorum* -0.84) và Cốt cần (*Nephrolepis cordifolia* -0.84) những thảo dược này thường được sử dụng phổ biến và phù hợp với điều kiện về văn hoá truyền thống, phong tục tập quán, điều kiện tự nhiên của dân tộc Thái.

### 3.4. Các loài cây thuốc quý hiếm có giá trị bảo tồn

Để có chính sách ưu tiên, bảo vệ hiệu quả nguồn tài nguyên cây thuốc thì việc phân hạng mức độ đe dọa của các cây thảo dược trong khu vực nghiên cứu có vai trò quan trọng. Từ khảo sát thực tế đã xác định được 04 cây thuốc quý hiếm (3.81%) của dân tộc Thái KBTTN Mường La có giá trị bảo tồn. Trong đó, 04 loài xếp ở thứ hạng sắp nguy cấp (VU) gồm: Đẳng sâm (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook. f. & Thomson), Chùa dù (*Elsholtzia penduliflora* W. W. Smith), Hôi nước (*Limnophila rugosa* (Roth) Merr) và Vương tùng [*Murraya glabra* (Guillaum.) Guillaum], có 02 loài xếp ở thứ hạng Nguy cấp (EN): Đẳng sâm (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook. f. & Thomson) và Chùa dù (*Elsholtzia penduliflora* W. W. Smith) (Sách đỏ Việt Nam của Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2007 và Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam của Nguyen (2019) và có 01 loài mức cấp báo IIA là Đẳng sâm (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook. f. & Thomson) Nghị định 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ (Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2021). Đây là những loài cây thuốc quý đang bị khai thác mạnh cần quan tâm và có chính sách ưu tiên bảo tồn và phát triển.



#### 4. Kết luận

Nguồn tài nguyên cây thuốc chữa bệnh đường hô hấp của cộng đồng Thái ở KBTTN Mường La, Sơn La có 105 loài, 92 chi, 47 họ của 02 ngành thực vật bậc cao có mạch là Dương xỉ (Polypodiophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, 15 cây dược liệu được dân tộc Thái sử dụng nhiều nhất có chỉ số UV  $\geq 0.58$ ; 04 loài (chiếm 3.81%) cây thảo dược quý hiếm, có giá trị bảo tồn. Dạng sống của các loài được nghiên cứu: là SB = 58.1Ph + 14.29Hm + 9.52Th + 9.52Cr + 8.57 Ch. Ghi nhận được 10 bộ phận sử dụng và 07 nhóm bệnh chữa trị bằng cây thuốc về đường hô hấp của người Thái.

#### LỜI CẢM ƠN

Quỹ tài trợ từ nguồn kinh phí Dự án “Các loài cây bản địa của Việt Nam để cải thiện sinh kế” mã số FST.2020.134.

#### Tài liệu tham khảo

- Asase, A., Oteng-Yeboah, A. A., Odamtten, G. T., & Simmonds, M. S. (2005). Ethnobotanical study of some Ghanaian Anti-Malarial plants. *Journal of Ethnopharmacology*, 99(2), 273-279. doi:10.1016/j.jep.2005.02.020
- Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La, tỉnh Sơn La. (2020). *Thuyết minh, Kế hoạch quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La giai đoạn 2021 - 2030 [Muong La Nature Reserve Management Board, Son La Province, Notes, Sustainable Forest Management Plan for Muong La Nature Reserve in the period of 2021 - 2030]*. Sơn La, Việt Nam: Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mường La, Sơn La.
- Barkaoui, M., Katiri, A., Boubaker, H., & Msanda, F. (2017). Ethnobotanical survey of medicinal plants used in the traditional treatment of diabetes in ChtoukaAit Baha and Tiznit (Western Anti-Atlas), Morocco. *Journal of Ethnopharmacology*, 98(23), 338-350. doi:10.1016/j.jep.2017.01.023
- Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam. (2007). *Sách Đỏ Việt Nam, Phần II: Thực vật [Vietnam Red Book (Part II – Plant)]*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
- Brummitt, R. K. (1992). *Vascular plantfamilies and genera*. London, UK: Royal Botanic Gardens, Kew.
- Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2021). *Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp [Government of the Socialist Republic of Vietnam, Decree 84/2021/ND-CP, dated 22 September 2021 on the management of endangered, precious and rare forest plants and animals and the implementation of the Convention on international trade in endangered wild fauna and flora species]*. Truy cập ngày 18/06/2022 tại <https://thuvienphapluat>
- De Albuquerque, U. P., Monteiro, J. M., Ramos, M. A., & De Amorim, E. L. C. (2007). Medicinal and magic plants from a public market in northeastern Brazil. *Journal of Ethnopharmacology*, 110, 76- 91.
- Doan, T. V., & Tran, H. M. (2017). Đa dạng thành phần loài cây thuốc của đồng bào dân tộc Thái ở xã Xuân Thái và Bình Lương thuộc vùng đệm vườn quốc gia Bến En, tỉnh Thanh Hóa [Diversity of medicinal plant species of Thai minority in Xuan Thai and Binh Luong

- comunes of the buffer-zone of Ben En national park, Thanh Hoa province]. *Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 7*, Việt Nam, 1428-1433.
- Do, L. T. (2005). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam [Vietnamese medicinal plants and herbs]*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Khoa học và kỹ thuật.
- Martin, G. J. (2002). *Thực vật dân tộc học [Ethnology]*. Hà Nội, Việt Nam: Nxb Nông Nghiệp.
- Hoang, S. V., Baas, P., & Keßler, P. J. A. (2008). Uses and conservation of plant species in a national park - A case study of Ben En, Vietnam. *Economic Botany*, 62, 574-593. doi:10.1007/s12231-008-9056-1
- Nguyen, B. T. (2003). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Tập 2) [List of Vietnamese plant species]*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Nguyen, B. T. (2005). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Tập 3) [List of Vietnamese plant species]*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Nguyen, T. (2019). Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam [Red List of Vietnamese medicinal plants]. *Tạp chí Dược liệu*, 24(6), 319-328.
- Nguyen, T. N. (2004). *Đa dạng tài nguyên di truyền và tài nguyên thực vật [Biodiversity and Plant Genetic Resources]*. Hà Nội, Việt Nam: Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyen, T. N. (2008). *Các phương pháp nghiên cứu thực vật [Methods of plant research ]*. Hà Nội, Việt Nam: Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Pham, H. H. (2000, 2002, 2003). *Cây cỏ Việt Nam (Quyển 1, 2, 3) [An illustrated Flora of Vietnam]*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: NXB Trẻ.
- Phillips, O., & Gentry, A. H. (1993). The useful plants of Tambopata, Peru: Statistical hypotheses tests with a new quantitative technique. *Economic Botany*, 47, 15-32.
- Polat, R., Cakilcioglu, U., & Satil, F. (2013). Traditional uses of medicinal plants in Solhan (Bingöl-Turkey). *Journal Ethnopharmacol*, 148(3), 951-963. doi:10.1016/j.jep.2013.05.050
- Raunkiaer, C. (1934). *Plant life forms*. Oxford, UK: Scientific Research Publishing Inc.
- Sargin, S. A. (2015). Ethnobotanical survey of medicinal plants in bozyazi district of mersin, Turkey. *Journal of Ethno-pharmacology*, 173(15), 105-126. doi:10.1016/j.jep.2015.07.009
- Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội. (2001). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Tập 1) [List of Vietnamese Plant Specie]*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Vo, C. V. (2012). *Từ điển cây thuốc Việt Nam (Tập 1, 2) [Vietnamese medicinal plants dictionary]*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Y học Hà Nội.
- Vu, L. T. (2015). Đa dạng cây thuốc được đồng bào Dân tộc Thái sử dụng chữa bệnh đường tiêu hóa tại xã Chiềng Bôm thuộc khu rừng đặc dụng Copia huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La [Diversity of medicinal plants used by Thai minority to treat gastrointestinal diseases in Chieng Bom commune, Thuan Chau distric, Son La province]. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học về đa dạng sinh học và các chất có hoạt tính sinh học 2015*, 191-197.

- Vu, L. T., Song, D. A., & Leo, N. V. (2021). Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc được cộng đồng dân tộc Khơ Mú sử dụng tại rừng đặc dụng, phòng hộ Sốp Cộp, tỉnh Sơn La [Diversity of Medicinal Plants Resources to be Useb By The Kho Mu Community in Special Use Forest, Sop Cop District, Son La Province]. *Tạp chí Đại học quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ*, 37(2), 46-59. doi:10.25073/2588-1140/vnunst.5119
- Xiong, Y., Sui, X., Ahmed, S., & Wang, Z. ( 2020). Ethnobotany and diversity of medicinal plants used by the Buyi in eastern Yunnan, China. *Plant Diversity*, 42(6), 401-414. doi:10.1016/j.pld.2020.09.004

